

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 04/4/2025

“V/v tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Văn Tâm.

2. Bà Trần Thị Kia.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền nợ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty T; địa chỉ: Số 274/26 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. **Đại diện theo ủy quyền:** Bà Nguyễn Thị P – Phó Giám đốc (theo Giấy ủy quyền lập ngày 01/11/2024). Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Y, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 01, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty T- Đại diện theo ủy quyền Bà Nguyễn Thị P trình bày: Công ty T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có ký kết hợp đồng mua bán thiết bị chuồng trại gồm 02 trại gà và 01 trại heo, tổng giá trị đơn hàng là 1.524.827.000đ. Giá trị quyết toán sau khi hoàn thiện là: 1.017.910.000đ. Theo thỏa thuận sau khi nhận hàng và thiết bị lắp ráp hoàn thiện, bà Trần Thị Y phải thanh toán cho Công ty T số tiền 1.017.910.000đ (Một tỷ mười bảy triệu chín trăm mười nghìn đồng). Tuy nhiên từ đó đến nay, bà Y chỉ thanh toán được 03 lần tiền; cụ thể ngày 20/10/2020 thanh toán 200.000.000đ; Ngày 31/12/2020 thanh toán 400.000.000đ; Ngày 01/10/2021 thanh toán 60.000.000đ; tổng cộng số tiền thanh toán là 660.000.000đ. Còn nợ lại số tiền 357.910.000đ. Vào ngày 15/9/2023 hai bên xác nhận công nợ bao gồm nợ thiết bị và lãi chậm thanh toán

là 400.000.000đ. Bà Y cam kết bắt đầu từ tháng 10/2023 bà Y phải trả hàng tháng mỗi tháng từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên bà Y không thực hiện, đến ngày 11/4/2024, hai bên xác nhận công nợ, bà Y lại 500.000.000đ bao gồm 357.910.000đ nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Hẹn đến ngày 12/6/2024 thanh toán, nếu không thanh toán phải chịu lãi chậm thanh toán 2%/tháng nhưng đến nay bà Y không thanh toán.

Nay công ty khởi kiện yêu cầu bà Y thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày đối chiếu công nợ ngày 03/4/2022 đến ngày xử sơ thẩm là ngày 04/4/2025 là 3 năm 02 ngày với lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Y được Tòa án thông báo, triệu tập và thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng không có văn bản nêu ý kiến của mình, không tham gia hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe lời trình bày đại diện nguyên đơn, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bà Y theo địa chỉ đăng ký thường trú ghi trong hợp đồng và đơn khởi kiện là Tổ 1, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS, thì đây là vụ án “*Tranh chấp kiện đòi thanh toán tiền nợ*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai; Bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về việc nguyên đơn thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là: 357.910.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm 03/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 4/4/2025, theo lãi suất 20%/năm là 215.127.771, tổng cộng là: 573.037.771đ.

Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 BLTTDS, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử đối với yêu cầu thay đổi này của nguyên đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định đến ngày 03/4/2022 bà Trần Thị Y xác nhận nợ Công ty T số nợ gốc là 357.910.000đ và đồng ý trả lãi chậm thanh toán cho Công ty, tuy nhiên bà Y không thực hiện đúng cam kết, do đó Công ty yêu cầu bà Y thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày 03/4/2022 đến nay 04/4/2025 theo lãi suất 20% năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 và 468 BLDS 2015.

Vì vậy, cần buộc bà Trần Thị Y trả cho Công ty T số tiền mà Công ty yêu cầu tại phiên tòa là 573.037.771đ (trong đó gốc là 357.910.000đ và tiền lãi là 215.127.771đ).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Trần Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.921.511đ.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 244, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 257, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, cụ thể như sau:

Buộc bà Trần Thị Y phải trả cho Công ty T, số tiền 573.037.771đ (*Năm trăm bảy mươi ba triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi một đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.921.511đ (*Hai mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, năm trăm mười một đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.053.333đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013327 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (04/4/2025), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn